

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

***American Auditing***

## MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2 BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
6 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	10
7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 21

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

## 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (NASC) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 79/UBCK-GPHDKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Các quyết định về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quyết định số 315/UBCK-GP ngày 31 tháng 03 năm 2010, thay đổi cổ đông sáng lập tại quyết định số 272/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở đặt tại số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

## 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Hội đồng Quản trị

Bà: Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010
Bà: Huỳnh Kim Tới	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010
Ông: Nguyễn Văn Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010

### Ban Kiểm soát

Bà: Nguyễn Thị Tuyết Vân	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2010
Bà: Phạm Thị Hóa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010
Bà: Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010

## 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tài chính của Công ty trong giai đoạn. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của Công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## 4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

### 5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

### 6. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo từ trang 4 đến trang 21 cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bà: Huỳnh Kim Thông

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, được lập từ trang 4 đến trang 21.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Số dư khoản mục tiền mặt tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tương ứng là 64.383.556.383 VND. Do cách thức ghi chép, theo dõi và kế toán của Công ty, chúng tôi không thể thu thập bằng chứng đáng tin cậy về khoản mục tiền mặt bằng các thủ tục thay thế khác.

Trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi, do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng soát xét thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến soát xét. Do đó, chúng tôi từ chối đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)**



**NGUYỄN HỮU TRÍ**

Giám Đốc

Chứng Chỉ KTV số 0476/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

**PHẠM ĐỨC NGUYỄN**

Kiểm toán viên

Chứng Chỉ KTV số 1186/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>69.298.459.220</b>	<b>70.935.728.636</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.1</b>	<b>64.583.117.683</b>	<b>70.364.293.761</b>
1. Tiền	111		64.583.117.683	70.364.293.761
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.072.416.200</b>	<b>5.771.200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.078.027.145	11.382.145
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(5.610.945)	(5.610.945)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>IV.4</b>	<b>7.400.461</b>	<b>491.657.170</b>
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	488.024.237
5. Các khoản phải thu khác	138		7.400.461	3.632.933
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.635.524.876</b>	<b>74.006.505</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		185.874.003	64.581.505
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.449.650.873	9.425.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>846.616.453</b>	<b>1.062.936.679</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>504.667.650</b>	<b>683.487.876</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.5	45.324.437	78.513.653
- Nguyên giá	222		4.111.425.370	4.111.425.370
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.066.100.933)	(4.032.911.717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.6	417.343.213	604.974.223
- Nguyên giá	228		1.270.136.000	1.270.136.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(852.792.787)	(665.161.777)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		42.000.000	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>341.948.803</b>	<b>379.448.803</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.7	24.999.987	62.499.987
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	IV.8	164.074.816	164.074.816
4. Tài sản dài hạn khác	268		152.874.000	152.874.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>70.145.075.673</b>	<b>71.998.665.315</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>618.901.417</b>	<b>878.041.736</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>618.901.417</b>	<b>878.041.736</b>
2. Phải trả cho người bán	312	8.000.000	116.322.660
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 IV.9	4.795.101	10.794.484
5. Phải trả người lao động	315	-	188.869.486
6. Chi phí phải trả	316	79.164.711	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 IV.10	526.941.605	506.699.900
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	-	55.355.206
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400 IV.11</b>	<b>69.526.174.256</b>	<b>71.120.623.579</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(70.473.825.744)	(68.879.376.421)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>70.145.075.673</b>	<b>71.998.665.315</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>		-	-
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012		-	-
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		-	-
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	-
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037		-	-
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>		-	-
Trong đó:			-	-
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		-	-
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	-
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá	084		-	-

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012



**NGUYỄN PHÚC NGUYÊN**  
Kế Toán Trưởng



**HUYỀN KIM THÔNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>V.1</b>	<b>530.274.555</b>	<b>55.048.970</b>
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		42.853.938	25.234.527
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		459.098.000	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		28.322.617	29.814.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>530.274.555</b>	<b>55.048.970</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.2	422.656.025	447.005.416
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>107.618.530</b>	<b>(391.956.446)</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.3	1.683.902.088	1.829.502.783
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>(1.576.283.558)</b>	<b>(2.221.459.229)</b>
8. Thu nhập khác	31	V.4	1.834.235	7.122.612
9. Chi phí khác	32		20.000.000	-
<b>10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(18.165.765)</b>	<b>7.122.612</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.594.449.323)</b>	<b>(2.214.336.617)</b>
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.594.449.323)</b>	<b>(2.214.336.617)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012



**NGUYỄN PHÚC NGUYỄN**  
Kế Toán Trưởng



**HUỶNH KIM THÔNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(1.594.449.323)</b>	<b>(2.214.336.617)</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		220.820.226	211.564.059
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	6.793.252
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(1.373.629.097)</b>	<b>(1.995.979.306)</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(955.969.164)	(39.686.952.736)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		(3.066.645.000)	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(259.140.319)	74.090.022
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(83.792.498)	53.257.380
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	79.547.715.857
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.739.176.078)</b>	<b>37.992.131.217</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.000.000)	(58.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	(329.360)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.000.000)</b>	<b>(58.829.360)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.781.176.078)</b>	<b>37.933.301.857</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>70.364.293.761</b>	<b>22.280.758.981</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>64.583.117.683</b>	<b>60.214.060.838</b>

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012




**NGUYỄN PHÚC NGUYÊN**

Kế Toán Trưởng

**HUYỄN KIM THÔNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN**

Số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 05-CTCK



**BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tiền tệ: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2011	Tại 01/01/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012		Tại 30/6/2011	Tại 30/6/2012
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.11	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc VCSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(64.558.814.636)	(68.879.376.421)	(2.090.736.617)	(1.594.449.323)	(66.649.551.253)	(70.473.825.744)	73.350.448.747	69.526.174.256
<b>Tổng cộng</b>		<b>75.441.185.364</b>	<b>71.120.623.579</b>	<b>(2.090.736.617)</b>	<b>(1.594.449.323)</b>	<b>(66.649.551.253)</b>	<b>(70.473.825.744)</b>	<b>73.350.448.747</b>	<b>69.526.174.256</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012

**NGUYỄN PHÚC NGUYỄN**  
 Kế Toán Trưởng

**HUYỀN KIM THÔNG**  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (NASC) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 79/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Các quyết định về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quyết định số 315/UBCK-GP ngày 31 tháng 03 năm 2010, thay đổi cổ đông sáng lập tại quyết định số 272/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009.

Công ty có trụ sở đặt tại số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### **2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư.

### **II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo được dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

#### **3 Kỳ báo cáo**

Kỳ báo cáo cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

#### **4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

#### **5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký - sổ cái để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

#### 2. Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn, đầu tư dài hạn khác.

##### a. Phân loại

- Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.
- Công ty phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và các chứng khoán mua rồi bán lại theo hợp đồng (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Đầu tư chứng khoán dài hạn là các chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ trong một thời gian không xác định trước và có thể được bán ra vào bất kỳ lúc nào.
- Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và dự định nắm giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự nắm giữ có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

##### b. Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch)

##### c. Đánh giá

- Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá chứng khoán bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết không tự do mua bán trên thị trường, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh dựa theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền ước tính.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.
- Nguyên giá của chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### d. Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của quyền sở hữu.



*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

### 3 Các khoản phải thu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

#### b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

### 4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

#### a. TSCĐ hữu hình:

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

#### b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm: phần mềm giao dịch, kế toán, website,... Trích khấu hao theo đường thẳng, thời gian từ 03 - 05 năm.

### 5 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản về vật dụng văn phòng, chi phí kết nối, chi phí sửa chữa văn phòng,... Các khoản chi phí này được phân bổ dần từ hai (02) tháng đến ba mươi sáu (36) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 7 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

**8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

*Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**9 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tiền tệ: VND

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tại 30/6/2012</u>	<u>Tại 01/01/2012</u>
- Tiền mặt tại quỹ	64.383.556.383	70.245.015.958
- Tiền gửi ngân hàng	85.817.931	26.542.017
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	113.743.369	92.735.786
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>64.583.117.683</u></b>	<b><u>70.364.293.761</u></b>



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

**2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>		
- Cổ phiếu	983.670	15.229.828.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
<b>b. Của nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	1.605.240	29.065.380.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>44.295.208.000</b>

**3 Tình hình đầu tư tài chính**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
<b>3.1 Chứng khoán thương mại</b>	-	-
<b>3.2 Chứng khoán đầu tư</b>	-	-
<b>a. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>		
- Cổ phiếu		
Số lượng	166.642	292
Giá trị theo sổ kế toán	3.078.027.145	11.382.145
Tăng /(giảm) so với giá thị trường	(5.610.945)	(5.610.945)
Tổng giá trị theo giá thị trường	3.072.416.200	5.771.200
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ	-	-
<b>b. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	-
<b>3.3 Đầu tư góp vốn</b>	-	-
<b>3.4 Đầu tư tài chính khác</b>	-	-

**4 Các khoản phải thu**

Chi tiết tại Phụ lục 01

**5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2012	-	3.930.853.172	-	180.572.198	-	4.111.425.370
- Mua trong năm						-
Tại 30/6/2012	-	3.930.853.172	-	180.572.198	-	4.111.425.370
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2012	-	3.852.339.519	-	180.572.198		4.032.911.717
- Khấu hao trong năm		33.189.216				33.189.216
Tại 30/6/2012	-	3.885.528.735	-	180.572.198	-	4.066.100.933
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2012	-	78.513.653	-	-	-	78.513.653
Tại 30/6/2012	-	45.324.437	-	-	-	45.324.437



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

## 6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2012			84.200.000	1.185.936.000	1.270.136.000
Tại 30/6/2012	-	-	84.200.000	1.185.936.000	1.270.136.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2012			56.133.333	609.028.444	665.161.777
Tại 30/6/2012	-	-	64.553.337	788.239.450	852.792.787
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2012	-	-	28.066.667	576.907.556	604.974.223
Tại 30/6/2012	-	-	19.646.663	397.696.550	417.343.213

## 7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Tại 01/01/2012	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí HKKD	Số cuối năm
Phí kết nối giao dịch lần đầu	62.499.987	-	37.500.000	24.999.987
<b>Tổng cộng</b>	62.499.987	-	37.500.000	24.999.987

## 8 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	44.074.816	44.074.816
<b>Tổng cộng</b>	<b>164.074.816</b>	<b>164.074.816</b>

## 9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Thuế thu nhập cá nhân	4.795.101	10.794.484
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.795.101</b>	<b>10.794.484</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Bảo hiểm xã hội	13.891.200	12.733.600
Bảo hiểm y tế	2.604.600	2.604.600
Bảo hiểm thất nghiệp	1.157.600	1.157.600
Cổ tức Công ty CP Bông Sen phải trả nhà đầu tư	45.805.400	490.204.100
Phải trả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	443.482.805	-
Phải trả khác	20.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>526.941.605</b>	<b>506.699.900</b>

## 11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Tình hình biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ (tại 01/01/2012)	140.000.000.000
Tăng / (giảm) vốn góp trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ (tại 30/6/2012)	140.000.000.000

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

**b. Chi tiết thành viên góp vốn tại ngày 30/6/2012:**

	<b>Vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Công ty cổ phần Quê hương Liberty	20.250.000.000	14,46%
Trần Hồng Văn	39.750.000.000	28,39%
Đỗ Phan Châu	40.000.000	0,03%
Huỳnh Thanh Hiệp	13.260.000.000	9,47%
Huỳnh Thanh Duy	10.500.000.000	7,50%
Huỳnh Công Minh	12.880.000.000	9,20%
Huỳnh Kim Tối	11.900.000.000	8,50%
Nguyễn Văn Đức	10.500.000.000	7,50%
Phạm Thị Hoá	10.920.000.000	7,80%
Huỳnh Kim Thông	10.000.000.000	7,14%
	<b>140.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2012</b>	<b>(68.879.376.421)</b>
Lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	(1.594.449.323)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30/6/2012</b>	<b>(70.473.825.744)</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>		<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	
<b>1 Doanh thu</b>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	42.853.938		25.234.527	
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	459.098.000		-	
Doanh thu khác	28.322.617		29.814.443	
<b>Tổng cộng</b>	<b>530.274.555</b>		<b>55.048.970</b>	
<b>2 Chi phí hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí hoạt động kinh doanh	422.656.025		447.005.416	
<b>Tổng cộng</b>	<b>422.656.025</b>		<b>447.005.416</b>	
<b>3 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>				
Chi phí nhân viên	645.214.933		732.338.267	
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.678.104		60.832.524	
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.420.004		44.820.507	
Thuế, phí và lệ phí	9.267.799		4.880.231	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.683.050		315.588.045	
Chi phí bằng tiền khác	576.638.198		671.043.209	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.683.902.088</b>		<b>1.829.502.783</b>	



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

#### 4 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Thu nhập khác	1.834.235	7.122.612
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.834.235</b>	<b>7.122.612</b>

### VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

#### 2 Công cụ tài chính

##### Các loại công cụ tài chính

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.583.117.683	70.364.293.761
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.400.461	491.657.170
<b>Cộng</b>	<b>64.590.518.144</b>	<b>70.855.950.931</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán	8.000.000	116.322.660
Các khoản phải trả phải nộp khác	526.941.605	506.699.900
Vay và nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>534.941.605</b>	<b>623.022.560</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>64.055.576.539</b>	<b>70.232.928.371</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

##### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### Rủi ro thị trường

Hoạt động của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

##### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này mà giảm thiểu rủi ro bằng cách giảm trạng thái ngoại tệ ròng nắm giữ.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ vay hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hay đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo

<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tại 30/6/2012</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	8.000.000	-	8.000.000
Các khoản phải trả khác	526.941.605	-	526.941.605
<b>Cộng</b>	<b>534.941.605</b>	<b>-</b>	<b>534.941.605</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	116.322.660	-	116.322.660
Các khoản phải trả khác	506.699.900	-	506.699.900
<b>Cộng</b>	<b>623.022.560</b>	<b>-</b>	<b>623.022.560</b>



*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.*

**Tài sản tài chính**

**Tại 30/6/2012**

Tiền và các khoản tương đương tiền	64.583.117.683	-	64.583.117.683
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.400.461	-	7.400.461
<b>Cộng</b>	<b>64.590.518.144</b>	<b>-</b>	<b>64.590.518.144</b>

**Tại 01/01/2012**

Tiền và các khoản tương đương tiền	70.364.293.761	-	70.364.293.761
Các khoản phải thu ngắn hạn	491.657.170	-	491.657.170
<b>Cộng</b>	<b>70.855.950.931</b>	<b>-</b>	<b>70.855.950.931</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012



**NGUYỄN PHÚC NGUYỄN**  
Kế Toán Trưởng




**HUỲNH KIM THÔNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN**

Số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khác hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Sở GD&ĐT	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	3.632.933	-	7.400.461	3.632.933	7.400.461	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.632.933</b>	<b>-</b>	<b>7.400.461</b>	<b>3.632.933</b>	<b>7.400.461</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2012


**NGUYỄN PHÚC NGUYỄN**  
 Kế Toán Trưởng

**HUỲNH KIM THÔNG**  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
